

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/HS-PT

Ngày: 15 – 9 – 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tấn**

Các Thẩm phán: Ông **Bùi Anh Tuấn**

Ông **Trần Minh Tân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Phái** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông **Quan Tuấn Nghĩa** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 67/2023/TLPT-HS ngày 12 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo Lê Trọng H và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo Lê Trọng H, Nguyễn Thanh T, Liên Hưng T, Mã Thanh N, Lê Văn B và Trần Phong N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 55/2023/HS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Trọng H, sinh năm 1992 tại Sóc Trăng;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nơi đã cư trú: số 228, đường Trần Phú, Khóm 5, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngọc T và bà Đặng Thị L; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam ngày 24 tháng 4 năm 2021 và đến ngày 20 tháng 9 năm 2021 cho bảo lãnh. *(Có mặt)*

- *Người bào chữa cho bị cáo:* ông **Trần Văn V** – Là luật sư của văn phòng Luật sư Nguyễn Thị H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

2. Liên Hưng T, sinh ngày 12 tháng 02 năm 1993 tại Bạc Liêu.

Nơi cư trú: số 71, đường B, Khóm 3, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Liên Hy D và bà Châu D; tiền án, tiền sự: không. (*Có mặt*)

- *Người bào chữa cho bị cáo:* ông **Nguyễn Trường T** và bà **Lê Ngọc N** - Là Luật sư của Văn phòng luật sư V, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Cần Thơ. (*Vắng mặt*)

3. Lê Văn B, sinh ngày 01 tháng 8 năm 1994 tại Bạc Liêu.

Nơi cư trú: ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Hồng K và bà Huỳnh Kim Q; tiền án, tiền sự: không. (*Có mặt*)

4. Trần Phong N, sinh năm 1988 tại Cà Mau.

Nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Thanh N và bà Hồ Mỹ H; tiền án, tiền sự: không. (*Có mặt*)

- *Người bào chữa cho bị cáo:* ông **Trần Văn Đ** – Là luật sư của Công ty luật TNHH MTV C, Chi nhánh Cà Mau. (*Có mặt*)

5. Nguyễn Thanh T, sinh năm 1990 tại Hậu Giang.

Nơi cư trú: ấp 7, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị Y; có vợ (đã ly hôn) và 02 người con; tiền án, tiền sự: không. (*Có mặt*)

- *Người bào chữa cho bị cáo:* bà **Lương Thị Hồng M** - Là Luật sư của Văn phòng luật sư Lương Hồng M, thuộc đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

6. Mã Thanh N, sinh ngày 04 tháng 8 năm 1990 tại Bạc Liêu.

Nơi cư trú: ấp C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Mã N và bà Phan Thị Kiều L; tiền án, tiền sự: không. (*Có mặt*)

- *Người bào chữa cho bị cáo:* ông **Đoàn Quốc D** - Là Luật sư của Văn phòng Luật sư T – chi nhánh Nhà Bè. (*Vắng mặt*)

Ngoài ra vụ án còn có các bị cáo Dương Thái B và Huỳnh Quốc H không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi dự tiệc tổ chức sinh nhật cho bị cáo H, đến khoảng 22 giờ 30 phút ngày 23 tháng 4 năm 2021, tất cả tiếp tục đi đến Karaoke Royal thuê phòng Royal tại tầng 4 để hát Karaoke. Đến khoảng 24 giờ cùng ngày, những người bạn của Hữu ở xa bắt đầu ra về trước, lúc đó bị cáo H đi ra hành lang thì gặp các T, T, N, N, Văn B, Thái B, H mua ma túy để sử dụng và cả nhóm đồng ý hùn mỗi người 500.000đ. Trong đó, các bị cáo T, T, Văn B và Thái B đã đưa tiền rồi; còn các H, N, N kêu bị cáo H ra tiền trước rồi trả lại sau.

Khi mua được ma túy của người thanh niên không rõ nhân thân, các bị cáo H, T, T, N, Văn B, Thái B, H, N cùng với Lâm Triều D tiếp tục di chuyển đến phòng số 6666 tầng 2, Karaoke Royal và đem theo số ma túy vừa mua được vào phòng để sử dụng.

Đến 02 giờ 40 phút ngày 24 tháng 4 năm 2021, lực lượng Công an vào kiểm tra phát hiện thu giữ: 01 bọc nylon màu trắng, có nẹp miệng viền màu đỏ, kích thước 05cm x 09cm, bên trong bọc nylon có chứa các hạt tinh thể màu trắng nghi là ma túy và một bọc nylon màu trắng, có nẹp miệng viền màu đỏ, kích thước 05cm x 8,5cm, bên trong bọc nylon có chứa ba viên nén màu xanh nghi là ma túy.

Tại Bản Kết luận giám định số: 54/KLGD-PC09, ngày 29 tháng 4 năm 2021, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu, kết luận:

- Chất rắn màu trắng bên trong gói nilon có kích thước 05cm x 09cm, gửi giám định, là chất ma túy, loại Ketamine, có khối lượng là 3,95881 gam.

- 03 viên nén màu xanh, bên trong gói nilon có kích thước 05cm x 8,5cm, gửi giám định, là chất ma túy, loại MDMA, có khối lượng là 1,31425 gam.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 55/2023/HS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Căn cứ điểm i Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo **Lê Trọng H**, bị cáo **Liên Hưng T**, bị cáo **Lê Văn B**, bị cáo **Trần Phong N**, bị cáo **Nguyễn Thanh T**, bị cáo **Mã Thanh N**, bị cáo **Dương Thái B** và bị cáo **Huỳnh Quốc H** phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. - Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Trọng H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án, đối trừ thời gian tạm giữ từ ngày 24 tháng 4 năm 2021 đến ngày 30 tháng 4 năm 2021 chuyển tạm giam đến ngày 20 tháng 9 năm 2021.

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Liên Hưng T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Văn B 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Trần Phong N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T 02 (hai) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Mã Thanh N 02 (hai) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 17; điểm s, điểm t khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Dương Thái B 01 (Một) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; Điều; Điều 17; điểm s, điểm t khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Huỳnh Quốc H 01 (Một) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào các ngày 22 và 23 tháng 5 năm 2023 các bị cáo kháng cáo như sau: Lê Trọng H, Liên Hưng T, Mã Thanh N, Lê Văn B và Trần Phong N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; Nguyễn Thanh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

+ Mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã tuyên là nặng so với các bị cáo Hữu, Thanh, Văn Bảo, Nhơn, Toàn nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo;

+ Đối với bị cáo N cho rằng bị oan nhưng căn cứ hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định bị cáo có đồng ý hùn tiền mua ma túy và nhờ Hữu ra tiền trước nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma túy, do bị cáo kêu oan không có căn cứ nên không đề xuất giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm theo hướng giảm hình phạt từ 06 tháng đến 09 tháng tù đối với các bị cáo H, T, Văn B, N, T và giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo N.

- Bị cáo Lê Trọng H và Liên Hưng T không có ý kiến tranh luận, mà xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

- *Người bào chữa cho bị cáo Liên Hưng T, Luật sư Lê Ngọc N vắng mặt nhưng có gửi bài phát biểu ý kiến tranh luận như sau:* sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

- Bị cáo Lê Văn B không có ý kiến tranh luận và giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Trần Phong N kêu oan, cho rằng bị cáo không phạm tội, vì bị cáo không có hùn tiền mua ma túy và không có sử dụng ma túy.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Phong N phát biểu ý kiến tranh luận như sau:*

+ Chưa đảm bảo căn cứ vững chắc theo Thông tư số 17 năm 2007, Thông tư 08 năm 2015 và các Văn bản hợp nhất về khái niệm tàng trữ trái phép chất ma túy;

+ Việc bị cáo N hùn tiền mua ma túy còn nhiều mâu thuẫn, chưa làm rõ có hùn tiền hay không;

+ Khi test N không có chất ma túy nên việc xác định Nhã hùn tiền mà không sử dụng ma túy là không hợp lý, hùn tiền mà không sử dụng thì hùn để làm gì;

+ Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm, trường hợp có căn cứ cho rằng bị cáo N có hùn tiền mua ma túy thì đề nghị xem xét hành vi ở vai trò thứ yếu.

- Bị cáo Nguyễn Thanh T không có ý kiến tranh luận và giữ nguyên kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh T, Luật sư Lương Thị Hồng M vắng mặt nhưng có gửi bài phát biểu ý kiến tranh luận như sau:* bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải ngay từ khi bị bắt; hiện nay gia đình bị cáo rất khó khăn, sau khi phạm tội vợ bị cáo đã ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

- Bị cáo Mã Thanh N không có ý kiến tranh luận và giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh T, Luật sư Đoàn Quốc D vắng mặt nhưng có gửi bài phát biểu ý kiến tranh luận như sau:* bị cáo Nhơn chỉ tham gia với vai trò đồng phạm, chỉ đồng ý hùn tiền trả tiền Karaoke và phần còn lại mua ma túy, chứ không có sử dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Lê Trọng H, Liên Hưng T và Trần Phong N không thừa nhận hành vi phạm tội của mình; còn lại các bị cáo khác thì thừa nhận.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Trọng H, Liên Hưng T thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo; lời thừa nhận các hai bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo Lê Văn B, Nguyễn Thanh T, Mã Thanh N và hai bị cáo không kháng cáo Dương Thái B, Huỳnh Quốc H. Lời nhận tội của các bị cáo thể hiện, các bị cáo đã có hành vi hùn tiền mua ma túy về sử dụng nên đến 02 giờ 40 phút ngày 24 tháng 4 năm 2021, lực lượng Công an vào kiểm tra phát hiện thu giữ: 01 bọc nylon màu trắng, có nẹp miệng viền màu đỏ, kích thước 05cm x 09cm, bên trong bọc nylon có chứa các hạt tinh thể màu trắng nghi là ma túy và một bọc nylon màu trắng, có nẹp miệng viền màu đỏ, kích thước 05cm x 8,5cm, bên trong bọc nylon có chứa ba viên nén màu xanh nghi là ma túy. Đồng thời, tại Bản Kết luận giám định số: 54/KLGD-PC09, ngày 29 tháng 4 năm 2021, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu, kết luận gồm có hai chất ma túy là Ketamine, có khối lượng là 3,95881 gam và MDMA, có khối lượng là 1,31425 gam. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp biên bản phạm tội quả tang và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Xét việc kêu oan của bị cáo N, do không có đồng ý hùn tiền mua ma túy, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cho rằng khi ban đầu Công an làm việc bị cáo khai là có đồng ý hùn tiền với bị cáo H mua ma túy về sử dụng là gì muốn cho Hữu nhẹ tội; còn tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo vẫn khai là có đồng ý hùn tiền với bị cáo H mua ma túy về sử dụng là do Cán bộ điều tra hướng dẫn. Ở tại hai phiên tòa đều có một điểm chung là bị cáo thừa nhận có đồng ý hùn tiền về mua ma túy sử dụng nhưng lý do lại khác nhau.

- Việc bị cáo khai đồng ý hùn tiền cho H để mua ma túy về sử dụng đã phù hợp với lời khai các bị cáo khác và biên bản phạm tội quả tang, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận lý do thay đổi lời khai của bị cáo, vì việc thay đổi này có mâu thuẫn và không phù hợp với chứng cứ khác.

[4] Tại thời điểm các bị cáo Lê Trọng H, Nguyễn Thanh T, Liên Hưng T, Mã Thanh N, Lê Văn B, Dương Thái B, Huỳnh Quốc H và Trần Phong N thỏa thuận hùn

mua ma túy thì Lâm Triều D do xin nên không có tham gia hùn tiền. Đến khi có ma túy thì các bị cáo cùng với Lâm Triều D tiếp tục di chuyển đến phòng số 6666 tầng 2, Karaoke Royal và đem theo số ma túy vừa mua được vào phòng để sử dụng. Tại đây, bị cáo H cũng không thừa nhận là có đưa ma túy cho Lâm Triều D, đồng thời D khai là cũng không có sử dụng ma túy, việc D xác định không có sử dụng ma túy phù hợp với kết quả xét nghiệm miễn dịch của Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu.

[5] Việc các bị cáo Lê Trọng H, Nguyễn Thanh T, Liên Hưng T, Mã Thanh N, Lê Văn B, Dương Thái B, Huỳnh Quốc H và Trần Phong N có hành vi hùn tiền mua ma túy về sử dụng, khi bị bắt quả tang thu giữ và kết luận có hai chất ma túy là Ketamine, có khối lượng là 3,95881 gam và MDMA, có khối lượng là 1,31425 gam. Cho nên, cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Ngoài ra, trong quá trình điều tra, có bà Châu Thị H là nhân viên của quán Karaoke xét nghiệm có kết quả dương tính với chất gây nghiện Methamphetamine, MDMA; bà H khai bà có sử dụng ma túy dạng viên và nguồn gốc là do Lâm Triều D cung cấp cho bà, khi D cho bà thì các bị cáo khác không biết. Hội đồng xét xử xét thấy: khi xét nghiệm bà H có hai chất ma túy và có một chất không trùng với chất ma túy thu giữ tại phòng của các bị cáo; trong ngày 23 và sáng ngày 24 tháng 4 năm 2021 thì bà Huyền không chỉ phục vụ một phòng mà còn nhiều phòng khác. Căn cứ vào lời khai của bị cáo Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra hành vi cung cấp ma túy của Lâm Triều D; tuy nhiên khi trả điều tra bổ sung thì Lâm Triều D không có mặt tại địa phương, đồng thời việc bà Huyền trình bày chưa được thể hiện tại lời khai Lâm Triều D nên Cơ quan điều tra đã tách hành vi của Lâm Triều D để tiếp tục điều tra là phù hợp.

[7] Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt đã căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ đối với từng bị cáo để quyết định hình phạt đối với từng bị cáo là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Thanh T, Mã Thanh N, Lê Văn B không cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo.

[8] Các bị cáo Lê Trọng H, Liên Hưng T và Trần Phong N có cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới khi xét xử phúc thẩm, cụ thể: bị cáo H và T có nhiều công sức đóng góp vào quỹ xã hội tại địa phương, góp phần hỗ trợ người nghèo; bị cáo T và N bổ sung tình tiết có ông Nội là người có công cách mạng; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm hai bị cáo H và T đã biết ăn năn hối cải nên thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho hai bị cáo H và T. Đối với bị cáo N, đáng lẽ là bị cáo cũng được giảm nhẹ một phần hình phạt như hai bị cáo H và Thanh, nhưng do bị cáo kêu oan và không có căn cứ chấp nhận nên không xem xét giảm cho bị cáo.

[9] Tội phạm liên quan đến ma túy diễn biến phức tạp, ảnh hưởng nhiều đến đời sống xã hội, việc cho hưởng án treo sẽ gây nguy hiểm cho xã hội và ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm; ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội. Do đó, không chấp nhận cho các bị cáo xin được hưởng án treo.

[10] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thanh T, Mã Thanh N, Lê Văn B và Trần Phong N; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Trọng H và Liên Hưng T và chấp nhận một phần đề xuất của Kiểm sát viên; sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm về giảm nhẹ một phần hình phạt cho hai bị cáo Lê Trọng H và Liên Hưng T.

[11] Mỗi bị cáo Nguyễn Thanh T, Mã Thanh N, Lê Văn B và Trần Phong N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000đ; bị cáo Lê Trọng H, Liên Hưng T không phải chịu án phí phúc thẩm.

[12] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Điều i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự; đối với bị cáo **Lê Trọng H** và **Liên Hưng T**;

- Điều i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự; đối với bị cáo **Lê Văn B**, **Nguyễn Thanh T** và **Mã Thanh N**;

- Điều i khoản 1 Điều 249; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự; đối với bị cáo **Trần Phong N**.

- Các Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Lê Trọng H** và **Liên Hưng T**.

2. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Lê Văn B**, **Trần Phong N**, **Nguyễn Thanh T** và **Mã Thanh N**.

3. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 55/2023/HS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; đối với bị cáo **Lê Trọng H** và **Liên Hưng T**.

4. Tuyên bố các bị cáo **Lê Trọng H**, **Liên Hưng T**, **Lê Văn B**, **Trần Phong N**, **Nguyễn Thanh T** và **Mã Thanh N** phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

5. Xử phạt bị cáo **Lê Trọng H 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 24 tháng 4 năm 2021 đến ngày 20 tháng 9 năm 2021.

6. Xử phạt bị cáo **Liên Hưng T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

7. Xử phạt bị cáo **Lê Văn B 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

8. Xử phạt bị cáo **Trần Phong N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

9. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T 02 (hai) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

10. Xử phạt bị cáo **Mã Thanh N 02 (hai) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

11. Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Buộc mỗi bị cáo Nguyễn Thanh T, Mã Thanh N, Lê Văn B và Trần Phong N phải chịu 200.000đ;

- Bị cáo Lê Trọng H, Liên Hưng T không phải chịu.

12. Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Gửi Viện kiểm sát cùng cấp;
- Gửi Cơ quan THA hình sự có thẩm quyền;
- Gửi CQĐT, VKS, TA xét xử sơ thẩm;
- Gửi nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Gửi người kháng cáo;
- Gửi người có liên quan đến kháng cáo hoặc kháng nghị (nếu có);
- Gửi Cơ quan THA dân sự có thẩm quyền (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Tấn